

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ KT
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 14 - 7 - 2022
V/v tranh chấp: Ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ KT**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Tuyết Nhung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Văn Truệ;
2. Ông Nguyễn Văn Lên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Văn Công - là thư ký Tòa án nhân dân thị xã KT.

Ngày 14 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã KT, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 21/2022/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 4 năm 2022 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 18/5/2022 và quyết định hoãn phiên tòa, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Ông Võ Lê Tr**, sinh năm 1994, (có mặt).

Địa chỉ: Ấp B.Ch, xã T.Th, thị xã KT, tỉnh Long An

2. Bị đơn: **Bà Nguyễn Thị Hồng Nh**, sinh năm 1993, (có đơn đề nghị vắng mặt).

HKTT: Ấp B.Ch, xã T.Th, thị xã KT, tỉnh Long An.

Địa chỉ liên lạc: Ấp TT, xã V.Th, huyện Ch.Th, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và phần trình bày của ông Võ Lê Tr trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa như sau:

Ông Tr và bà Nguyễn Thị Hồng Nh tự nguyện tìm hiểu và tiến đến hôn nhân có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn năm 2016 tại Ủy ban nhân dân xã T.Th, thị xã KT. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2019 phát sinh nhiều mâu thuẫn, xảy ra cãi vã do không hợp, không quan tâm chăm sóc nhau nên đã không còn sống chung 03 năm nay, từ đó đến nay hai bên không có biện pháp hàn gắn tình cảm. Do đó, ông yêu cầu được ly hôn với bà Nh.

- Về con chung: Ông Tr và bà Nh không có con chung.
- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Bị đơn bà Nguyễn Thị Hồng Nh có đơn đề nghị vắng mặt, trong quá trình giải quyết vụ án trình bày ý kiến: Bà và ông Tr quen biết nhau và đã kết hôn sống chung với nhau vài năm, trong cuộc sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, không có tiếng nói chung, không hòa hợp nên hai bên không còn sống chung khoảng 03 năm nay. Nay bà Nh đồng ý ly hôn với ông Tr. Về con chung: không có con chung. Về tài sản và nợ chung: Hai bên không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở nhận định như sau:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông Võ Lê Tr nộp đơn khởi kiện ly hôn với bà Nguyễn Thị Hồng Nh có địa chỉ cư trú tại xã T.Th, thị xã KT nên căn cứ Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là tranh chấp về ly hôn, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã KT.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn ông Tr có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải, bị đơn bà Nh vắng mặt không tham gia hòa giải nên căn cứ Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án trên thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được. Do đó Tòa án chỉ tiến hành kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ theo quy định.

Bị đơn bà Nh có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung:

Quan hệ hôn nhân: Căn cứ phần trình bày của đương sự và tài liệu chứng cứ mà đương sự cung cấp thể hiện ông Tr và bà Nh tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại xã T.Th theo giấy chứng nhận kết hôn số 52 ngày 07/10/2016 nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp theo Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình. Ông Tr yêu cầu ly hôn vì cho rằng vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn đã không còn sống chung 03 năm nay. Bị đơn bà Nh có ý kiến trình bày đồng ý ly hôn với ông Tr.

Qua đó cho thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa ông Tr và bà Nh là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân của các bên không đạt được, nên căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Tr.

Về con chung: Ông Tr và bà Nh trình bày thống nhất không có con chung nên không xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông Tr và bà Nh trình bày thống nhất không có nên không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Nguyên đơn ông Võ Lê Tr phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 207, 227, 228, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 57 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của ông Võ Lê Tr.

Về quan hệ hôn nhân: Ông Võ Lê Tr được ly hôn với bà Nguyễn Thị Hồng Nh.

Về con chung: Ông Võ Lê Tr và bà Nguyễn Thị Hồng Nh không có con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

2. Về án phí: Ông Võ Lê Tr phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng mà ông Tr đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000644 ngày 07/4/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã KT. Ông Võ Lê Tr đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Ông Võ Lê Tr có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Nguyễn Thị Hồng Nh có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được cấp, tổng đạt bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 của Luật thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND thị xã KT;
- Chi cục THADS thị xã KT;
- Các đương sự;
- UBND xã T.Th, thị xã KT, tỉnh Long An (để ghi vào sổ hộ tịch);
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Dương Thị Tuyết Nhung